TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2017/DS-ST
Ngày: 24-8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Trung

2. Ông Thạch Khêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Sơn Nhựt Nhân, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2017/TLST-DS, ngày 01 tháng 3 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2017/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị K, sinh năm 1966, có mặt;

Cư trú tại: Ấp Trà M, xã Tân H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1958, có mặt;

Cư trú tại: Ấp Trà M, xã Tân H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Huỳnh Thị V: Bà Lục Khả Tú – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh, có mặt.

3. Người làm chứng: Bà Trương Thị C, sinh năm 1951; Cư trú tại: Ấp Trà M, xã Tân H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, có đơn yêu cầu giải quyết xét xử, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 24/02/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày:

Bà có tham gia 03 dây hụi do bà Huỳnh Thị V làm chủ đầu thảo, cụ thể như sau:

1. Dây hụi mở ngày 20/01/2015 ÂL, hai bên thỏa thuận chơi hụi với nội dung và hình thức như sau: Loại hụi 1.000.000 đồng, hai bên đã thỏa thuận bằng lời nói, không có văn bản nhưng chủ đầu thảo có giao danh sách cho hụi viên theo dõi, hụi có 25 phần, bà tham gia 02 phần, 01 tháng khui 01 lần, ai bỏ thăm cao thì được lĩnh hụi và phải trả huê hồng cho đầu thảo bằng 500.000 đồng/lần khui hụi.

Ở phần hụi thứ nhất: Bà đóng được 18 lần hụi sống, đến lần khui thứ 19, bà kiu 510.000 đồng, hốt được 20.440.000 đồng (Đã trừ huê hồng), bà V chỉ giao cho bà được 18.940.000 đồng, thiếu lại 1.500.000 đồng, bà V ghi trong giấy giao tiền hụi xin 500.000 đồng, trừ lại D 01 chân chết 1.000.000 đồng do chị D chưa đóng hụi chết. Việc bà V ghi xin số tiền 500.000 đồng bà không đồng ý cho, bà V cho rằng chị D đã đưa tiền cho bà Lê Thị S (Mẹ chị D) đóng hụi chết 1.000.000 đồng cho bà rồi nhưng bà không có nhận tiền từ bà S, bà cũng không có nhận tiền hụi 1.000.000 đồng từ bà V giao.

Ở phần hụi thứ 2: Bà đóng được 23 lần hụi sống, đến lần khui thứ 24, bà kiu 1.000.000 đồng nên hốt được 22.500.000 đồng (Đã trừ huê hồng), bà V chỉ giao cho bà được 18.500.000 đồng, còn nợ 4.000.000 đồng, trong 4.000.000 đồng này là tiền bà V xin 1.000.000 đồng và tiền để lại 03 chân 3.000.000 đồng có ghi trong giấy giao tiền hụi. Mục đích bà V ghi để lại 3.000.000 đồng là để cấn trừ với bà đến khi mãn hụi nhưng giữa bà và bà V chưa có trừ cấn số tiền này, số tiền 1.000.000 đồng bà V xin bà không đồng ý cho.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị V có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hốt hụi chưa giao trong 02 phần hụi bằng 5.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hiện dây hụi này đã mãn, bà thừa nhận trong dây hụi này bà còn thiếu tiền hụi chết của bà V 01 lần bằng 2.000.000 đồng (01 lần x 02 phần), bà đồng ý trả số tiền hụi chết này cho bà V.

2. Dây hụi mở ngày 20/01/2015 ÂL, hai bên thỏa thuận chơi hụi với nội dung và hình thức như sau: Loại hụi 1.000.000 đồng, hai bên đã thỏa thuận bằng lời nói, không có văn bản và chủ đầu thảo có giao danh sách để hụi viên theo dõi, hụi có 24 phần, bà tham gia 02 phần, 01 tháng khui 01 lần, ai bỏ thăm cao thì được lĩnh hụi và phải trả huê hồng cho đầu thảo bằng 500.000 đồng/lần khui hụi.

Ở phần thứ 1: Bà đóng được 20 lần hụi sống, đến lần khui thứ 21, bà kiu hụi 630.000 đồng nên hốt được 21.110.000 đồng (Chưa trừ huê hồng), bà V ghi trên giấy giao hụi là trừ các khoản 6.000.000 đồng (Trong đó có đưa thêm 30.000 đồng) nhưng

bà không đồng ý ở chỗ là bà V trừ lại hụi chết chị Trần Thị L (L Th) 1.000.000 đồng, để lại 2.000.000 đồng, lý do bà đồng ý cho bà V ghi như vậy chỉ để lấy được trước một số tiền hụi, bà không có nhận tiền hụi chết từ chị L đã đóng 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng cũng chưa trừ cấn như vậy bà V còn nợ bà 3.000.000 đồng trong 6.000.000 đồng đã tính toán. Bà V đưa tiền mặt 13.000.000 đồng, như vậy bà V còn nợ bà số tiền chưa giao hụi bằng 5.110.000 đồng *(2.000.000 đồng để lại; 1.000.000 đồng tiền hụi chết của chị L và 2.110.000 đồng chưa giao hụi)*.

Ở phần thứ 2: Bà đóng được 21 lần hụi sống, đến lần khui thứ 22, bà kiu 510.000 đồng nên hốt được 21.480.000 đồng (Đã trừ huê hồng), bà V chỉ giao cho bà được 19.480.000 đồng còn nợ lại 2.000.000 đồng, trong giấy giao hụi bà V ghi để lại 2.000.000 đồng để tính toán với nhau khi mãn hụi nhưng đến nay vẫn chưa tính toán gì cả trong khi đó tiền hụi chết bà vẫn đóng.

Bà K yêu cầu bà V có nghĩa vụ trả cho bà số tiền chưa giao bằng 7.110.000 đồng trong 02 phần hụi, không yêu cầu tính lãi. Dây hụi này đã mãn, bà thừa nhận có nợ bà V tiền hụi chết 1.000.000 đồng (Thiếu 2.000.000 đồng nhưng đã trả được 1.000.000 đồng), bà đồng ý trả số tiền hụi chết còn nợ cho bà V.

3. Dây hụi mở ngày 30/6/2015 DL, hai bên thỏa thuận chơi hụi với nội dung và hình thức như sau: Loại hụi 1.000.000 đồng, hai bên đã thỏa thuận bằng lời nói, không có văn bản và chủ đầu thảo có giao danh sách hụi viên để theo dõi, hụi có 26 phần, bà tham gia 02 phần, 01 tháng khui 01 lần, ai bỏ thăm cao thì được lĩnh hụi và phải trả huê hồng cho đầu thảo bằng 500.000 đồng/lần khui hụi.

Ở phần thứ 1: Bà đóng được 13 lần hụi sống, đến lần khui thứ 14, bà kiu 400.000 đồng nên hốt được 19.520.000 đồng (Đã trừ huê hồng), bà V chỉ giao cho bà được 18.520.000 đồng còn lại 1.000.000 đồng.

Ở phần thứ 2: Bà đã đóng được 16 lần hụi sống, đến lần khui thứ 17, bà kiu 470.000 đồng nên hốt được 20.270.000 đồng (Đã trừ huê hồng), bà V chỉ giao cho bà được 16.270.000, chưa giao cho bà 4.000.000 đồng là số tiền và V ghi trong giấy giao tiền hụi để lại 2.000.000 đồng, giao còn nợ lại 2.000.000 đồng.

Bà yêu cầu bà V có nghĩa vụ giao cho bà số tiền của 02 phần hụi bằng 5.000.000 đồng. Dây hụi này đến ngày 30/8/2017 mới mãn hụi nhưng bà thống nhất là bà chưa đóng hụi chết cho bà V cho đến khi mãn hụi là 07 lần từ tháng 02 đến 30/8/2017 là 14.000.000 đồng, bà đồng ý trả tiền hụi chết cho bà V *(Bà K thống nhất tuy ngày xét xử chưa đến ngày khui hụi lần cuối là ngày 30/8/2017 và bà chưa có nghĩa vụ phải đóng nhưng bà cũng đồng ý trả cho bà V số tiền hụi chết ở lần khui này).*

Trước đây tại đơn khởi kiện số tiền hụi bà khởi kiện bằng 35.200.000 đồng là có chênh lệch, sau khi tính toán lại thì số tiền chưa giao trong 03 dây hụi bằng 17.610.000 đồng nhưng tại phiên tòa bà yêu cầu bà V chỉ trả cho bà tính tròn 17.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và bà đồng ý trả lại số tiền hụi chết của 03

dây nêu trên bằng 17.000.000 đồng cho bà V. Bù trừ nghĩa vụ qua lại thì bà không phải trả tiền cho bà V và bà V cũng không trả tiền cho bà.

Tại các đơn phản tố ngày 24/4/2017, 14/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị V trình bày:

Bà Lê Thị K có tham gia 02 dây hụi 1.000.000 đồng, ngày 20/01/2015 ÂL, hụi gồm 24 phần và 25 phần trong mỗi dây bà K tham gia 02 phần; 02 phần hụi của dây hụi mở ngày 30/6/2015 DL, gồm có 26 phần do bà làm chủ đầu thảo. Việc tham gia góp hụi không lập thành văn bản nhưng bà có giao danh sách cho các hụi viên theo dõi, hình thức hốt hụi ai bỏ thăm cao thì được lĩnh hụi và phải trả huê hồng cho chủ đầu thảo như bà K khai.

1. Dây hụi ngày 20/01/2015 ÂL, loại hụi 1.000.000 đồng (25 phần), bà K tham gia 02 phần:

Ở phần thứ 1: Bà K đóng được 18 lần hụi sống, đến lần khui thứ 19, bà K kiu 510.000 đồng, hốt được 20.440.000 đồng (Đã trừ huê hồng), bà đã giao đủ tiền hụi cho bà K không còn nợ bà K số tiền nào, bà thừa nhận tờ giấy tính tiền hụi là do bà viết giao cho bà K, khi giao tiền hụi bà K không có ký nhận tiền. Trong giấy giao hụi bà có ghi để lại 01 phần hụi chết của em D 1.000.000 đồng và xin K 500.000 đồng, tuy chị D tham gia hụi và trong danh sách để tên chị D nhưng mọi giao dịch hụi do bà Lê Thị S là mẹ ruột chị D đóng hụi dùm, sau khi bà S đóng hụi chết cho D thì bà đã đưa số tiền 1.000.000 đồng cho bà S đưa lại cho bà K rồi, sự việc này không có giáp mặt giữa bà với bà S, bà K, số tiền xin 500.000 đồng nay bà K không đồng ý cho thì bà đồng ý trả 500.000 đồng, 1.000.000 đồng hụi chết của chị D bà không đồng ý trả.

Ở phần thứ 2: Bà K đóng được 23 lần hụi sống, đến lần khui thứ 24, bà K kiu 1.000.000 đồng nên hốt được 22.500.000 đồng (Đã trừ huê hồng), bà đã giao đủ tiền hụi cho bà K, bà thừa nhận tờ giấy tính tiền hụi do bà viết khi giao hụi, khi giao tiền hụi bà K không có ký nhận tiền. Trong giấy giao tiền hụi bà có ghi để xin em K 1.000.000 đồng và để lại 3.000.000 đồng là để cấn trừ nợ với nhau đến khi mãn hụi, giữa bà với bà K đã cấn trừ rồi nhưng bà không có gì chứng minh việc cấn trừ số tiền 3.000.000 đồng và cũng không nhớ cấn trừ vào thời gian nào, của dây hụi nào. Nay bà K không cho bà xin số tiền 1.000.000 đồng thì bà đồng ý trả còn 3.000.000 đồng không đồng ý trả.

Bà K kiện bà có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền còn lại của 02 phần hụi bằng 5.500.000 đồng, bà chỉ thống nhất chỉ nợ bà K và đồng ý trả 1.500.000 đồng (Số tiền xin). Trong dây hụi nêu trên bà thừa nhận bà K đều có đóng hụi chết hàng tháng cho bà chỉ có nợ bà 01 lần hụi chết bằng 2.000.000 đồng (02 phần). Dây hụi này đã mãn.

2. Dây hụi ngày 20/01/2015 ÂL, loại hụi 1.000.000 đồng (24 phần), bà K tham gia 02 phần:

Ở phần thứ 1: Bà K đã đóng được 20 lần hụi sống, đến lần khui thứ 21, kiu 630.000 đồng nên hốt được 21.110.000 đồng (Chưa trừ huê hồng), bà đã giao tiền cho

bà K chỉ còn nợ lại 3.000.000 đồng là trừ 01 phần hụi chết của chị L (Tên đầy đủ: Trần Thị L) và để lại 2.000.000 đồng. Khi giao hụi do chị L (L Th) chưa đóng hụi nên bà chưa giao nhưng sau đó chị L (L Th) đã đưa số tiền này cho bà K rồi nhưng không có giáp mặt giữa bà với bà K, chị L. Bà chỉ nợ lại 2.000.000 đồng, bà thừa nhận tờ giấy tính tiền hụi của bà viết khi giao tiền hụi cho bà K, không có ký nhận tiền, tại giấy giao tiền hụi thì bà để tổng cộng trừ ra 6.000.000 đồng bao gồm tiền hụi chết của em L (L Th) 1.000.000 đồng và tiền để lại 2.000.000 đồng và bà ghi đưa trước 13.000.000 đồng như vậy tổng cộng đưa 19.000.000 đồng còn nợ lại 2.110.000 đồng, bà đã giao số tiền 2.110.000 đồng này cho bà K rồi nhưng không nhớ giao tiền vào thời gian nào, không có chứng cứ gì để chứng minh. Bà đồng ý trả cho bà K 2.000.000 đồng số tiền để lại.

Ở phần thứ 2: Bà K đã đóng được 21 lần hụi sống, đến lần khui thứ 22, bà K kiu 510.000 đồng nên hốt được 21.480.000 đồng (đã trừ huê hồng), bà đã giao tiền hụi cho bà K chỉ còn nợ lại 2.000.000 đồng, để lại 2.000.000 đồng như trong giấy giao tiền hụi bà ghi nhưng giữa bà và bà K đã tính toán cấn trừ 4.000.000 đồng rồi nhưng không nhớ thời gian cấn trừ và trừ vào dây hụi nào, bà không có gì chứng minh. Bà không còn nợ tiền bà K như bà K yêu cầu.

Bà K kiện đòi bà có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền hụi của 02 phần chưa giao bằng 7.110.000 đồng bà đồng ý trả 2.000.000 đồng, Hiện tại dây hụi này đã mãn. Bà K có đóng hụi chết hàng tháng cho bà chỉ còn nợ 1.000.000 đồng tiền hụi chết và bà yêu cầu bà K trả cho bà 1.000.000 đồng (Thiếu 01 lần trong 01 phần hụi), như vậy bà chỉ trả cho bà K 1.000.000 đồng.

3. Dây hụi ngày 30/6/2015 DL, loại hụi 1.000.000 đồng (26 phần), bà K tham gia 02 phần:

Ở phần thứ 1: Bà K đóng được 13 lần hụi sống, đến lần khui thứ 14 bà K kiu 400.000 đồng nên hốt được 19.520.000 đồng (đã trừ huê hồng), bà giao cho bà K được 18.520.000 đồng còn lại 1.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Ở phần thứ 2: Bà K đóng được 16 lần hụi sống, đến lần khui thứ 17 bà K kiu 470.000 đồng nên hốt được 20.270.000 đồng (đã trừ huê hồng), bà đã giao tiền hụi chỉ còn nợ lại 2.000.000 đồng, để lại 2.000.000 đồng có ghi trong giấy giao tiền hụi nhưng bà đã cấn trừ số tiền nợ này với K rồi bà chỉ còn nợ 500.000 đồng nhưng bà không nhớ thời gian cấn trừ và cấn trừ vào khoản tiền nào, bà cũng không có gì chứng minh, như vậy bà chỉ còn nợ bà K 500.000 đồng.

Bà K kiện bà trả 5.000.000 đồng trong 02 phần bà thừa nhận còn thiếu 1.500.000 đồng. Hiện dây hụi này chưa mãn đến tháng 30/8/2017 mới mãn, bà K chưa đóng hụi chết cho bà trong 07 lần từ tháng 02/2017 đến tháng 8/2017 bằng 14.000.000 đồng (02 phần).

Tổng cộng 03 dây hụi bà K kiện đòi bà có nghĩa vụ trả bằng 17.000.000 đồng, bà chỉ thừa nhận còn nợ bằng 5.000.000 đồng và bà K còn nợ hụi chết của bà tổng

cộng 03 dây bằng 17.000.000 đồng và yêu cầu bà K có nghĩa vụ trả cho bà và bà đồng ý khấu trừ lại 5.000.000 đồng tiền hụi chưa giao như vậy bà Lê Thị K có nghĩa vụ trả cho bà 12.000.000 đồng tiền hụi chết. Bà không yêu cầu tính lãi.

Trợ giúp viên pháp lý Lục Khả Tú người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Thị V trình bày:

Việc tham gia góp hụi giữa bà Lê Thị K và bà Huỳnh Thị V là có thật. Sau nghi nghiên cứu hồ sơ vụ án và những chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, thấy rằng khi bà V giao tiền hụi cho bà K, bà K đã có sự đồng ý cho bà V số tiền 1.500.000 đồng. Số tiền hụi chưa giao, số tiền để lại mà bà K khởi kiện thì giữa bà V, bà K đã có sự tính toán với nhau xong. Bà V thừa nhận còn nợ bà K 5.000.000 đồng là có cơ sở (Còn số tiền xin 1.500.000 đồng bà V đồng ý trả là sự tự nguyện của bà V). Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận theo yêu cầu của bà K, chỉ buộc bà V trả 5.000.0000 đồng. Đối với yêu cầu phản tố của bà V yêu cầu bà K có nghĩa vụ trả số tiền hụi chết chưa đóng tổng cộng của 03 dây hụi bằng 17.000.000 đồng, bà K thừa nhận còn nợ và đồng ý trả nên yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này. Bù trừ nghĩa vụ qua lại giữa bà V, bà K thì bà K còn có nghĩa vụ trả cho bà V bằng 12.000.000 đồng. bà V không yêu cầu tính lãi nên đề nghị không xem xét. Do bà V là con Liệt sĩ nên yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà V được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất: Bà Lê Thị K, bà Huỳnh Thị V đều xác định bà Lê Thị K có tham gia 02 dây hụi 1.000.000 đồng, ngày 20/01/2015 ÂL (Gồm có 24 phần và 25 phần), mỗi dây bà K tham gia 02 phần; 02 phần hụi của dây hụi mở ngày 30/6/2015 DL (26 phần) do bà V làm đầu thảo, bà K đều đã hốt hụi xong.

Về yêu cầu phản tố: Bà Lê Thị K và bà Huỳnh Thị V đều thống nhất bà Lê Thị K có nợ tiền hụi chết của bà V trong 03 dây hụi nêu trên bằng 17.000.000 đồng và bà K đồng ý trả.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Bà Lê Thị K kiện đòi bà Huỳnh Thị V có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền hụi chưa giao trong 03 dây hụi bằng 17.000.000 đồng. Bà Huỳnh Thị Thị V không đồng ý chỉ thừa nhận và đồng ý trả cho bà K số tiền bằng 5.000.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị K kiện đòi số tiền hụi bà V chưa giao trong 03 dây hụi bằng 17.610.000 đồng, tại phiên tòa chỉ yêu cầu bà V trả 17.000.000 đồng, bà V không thừa nhận chỉ thừa nhận còn nợ 5.000.000 đồng và đồng ý trả. Xét thấy yêu

cầu của bà K có cơ sở chấp nhận, trong quá trình giải quyết bà K đã cung cấp được giấy giao tiền hụi trong đó thể hiện những số tiền bà V để lại và giao chưa đủ nhưng bà V không có chứng minh cho việc đã cấn trừ và giao tiền hụi xong. Số tiền hụi chết của chị D, chị L, bà V cho rằng những người này đã giao tiền cho bà K nhưng không giáp mặt các bên và không được bà K thừa nhận, bà V cũng không có chứng cứ để chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K buộc bà V trả 17.000.000 đồng. Đối với yêu cầu phản tố của bà V được bà K thừa nhận và đồng ý trả 17.000.000 đồng nên yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận. Bù trừ nghĩa vụ qua lại thì không ai có nghĩa vụ đối với ai. Về án phí nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật tuy nhiên bà V là con Liệt sĩ có đơn xin miễn toàn bộ án phí nên đề nghị cho bà V được miễn toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi. Bị đơn cư trú tại huyện T nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần. Người làm chứng bà Trương Thị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt căn cứ vào Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà C.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị K:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị K, bà Huỳnh Thị V có lời khai thống nhất xác định bà K có tham gia 02 dây hụi 1.000.000 đồng, ngày 20/01/2015 ÂL, gồm có 24 phần và 25 phần trong mỗi dây bà K tham gia 02 phần; 02 phần hụi của dây hụi mở ngày 30/6/2015 DL, gồm có 26 phần do bà V làm đầu thảo, bà K đã hốt hụi xong. Đây là những tình tiết các bên đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Lê Thị K khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị V có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi trong 03 dây hụi bằng 17.610.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, bà V không thừa nhận toàn bộ số tiền trên mà chỉ thừa nhận còn nợ 5.000.000 đồng và đồng ý trả.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết bà K đã cung cấp chứng cứ là 06 giấy giao tiền của 03 dây hụi do bà V viết khi giao tiền hụi cho bà K, trong các giấy giao tiền hụi thể hiện các số tiền mà bà K yêu cầu là trùng khớp với số tiền mà bà V ghi cụ thể là để lại tổng cộng bằng 9.000.000 đồng (Bà V thừa nhận nợ 2.000.000 đồng), tiền hụi chưa giao tổng cộng 4.110.000 đồng (Bà V thừa nhận còn nợ 500.000 đồng), trừ hụi chết chị T, chị L (L Th) bằng 2.000.000 đồng (Bà V không thừa nhận còn nợ), tiền

xin trong 02 phần hụi ngày 20/01/2015 ÂL (25 phần) 1.500.000 đồng (Bà V đồng ý trả), tiền nợ hụi chưa giao 1.000.000 đồng là của phần hụi thứ nhất dây hụi 30/6/2015 DL (Bà V đồng ý trả). Số tiền bà V ghi để lại trong giấy giao tiền hụi tổng cộng 9.000.000 đồng, bà V thừa nhận còn nợ 2.000.000 đồng, đã cấn trừ 7.000.000 đồng, mục đích bà V ghi để lại là đến khi mãn hụi bà sẽ cấn trừ lại cho bà K, bà V trình bày đã cấn trừ xong nhưng bà không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho việc cấn trừ nợ giữa các bên, thời gian cấn trừ, cấn trừ vào dây hụi nào bà cũng không cung cấp được, trong khi đó bà V có thừa nhận bà K đều có đóng hụi chết mỗi tháng cho bà nên việc bà V cho rằng có việc cấn trừ số tiền để lại giữa các bên là không có cơ sở. Bà V có yêu cầu xác minh bà Trương Thị C về việc có cấn trừ nợ giữa bà với bà K nhưng khi Tòa án tiến hành xác minh đối với bà C, bà C trình bày bà V và bà K có đến nhà bà để cấn trừ nợ hụi với nhau nhưng các bên chưa thỏa thuận được thì xảy ra cự cãi và bỏ ra về nên bà không chứng kiến được gì. Trong giấy giao hụi bà V có ghi trừ 01 phần hụi chết của chị T 1.000.000 đồng, chị L 1.000.000 đồng, bà V cho rằng chị T đã đưa tiền cho bà S và bà S đã đưa cho bà K 1.000.000 đồng, chị L cũng đã đưa cho bà K số tiền hụi chết 1.000.000 đồng nhưng sự việc này không giáp mặt giữa bà V, bà K, bà S, chị L, bà K không thừa nhận có nhận tiền từ bà S, chị L. Qua quá trình xác minh bà Lê Thị S, chị Trần Thị L thì được bà S, chị L trình bày khi đóng hụi chết đóng cho chủ đầu thảo chứ không đưa trực tiếp cho bà K. Bà V cũng không cung cấp được chứng cứ thể hiện việc có giao số tiền hụi còn lại 3.610.000 đồng cho bà K. Từ những phân tích trên thì số tiền 17.610.000 đồng bà K khởi kiện, bà V thừa nhận còn nợ 5.000.000 đồng (*Tiền để lại 2.000.000 đồng, tiền hụi xin 1.500.000 đồng, tiền giao hụi còn nợ 1.500.000 đồng)*, còn lại 12.610.000 đồng đã tính toán xong là không có cơ sở chấp nhận, bà V phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K buộc bà Huỳnh Thị V có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền hụi chưa giao 17.610.000 đồng, tại phiên tòa bà K chỉ yêu cầu trả 17.000.000 đồng nên chỉ buộc bà V trả cho bà K 17.000.000 đồng, không tính lãi.

[3] *Về yêu cầu phản tố của bị đơn bà Huỳnh Thị V:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị V yêu cầu bà Lê Thị K có nghĩa vụ trả tiền hụi chết bà đã choàng thay trong 03 dây hụi mà nguyên đơn khởi kiện, cụ thể dây hụi mở ngày 20/01/2015 ÂL, loại hụi 1.000.000 đồng có 24 phần là 1.000.000 đồng; Dây có 25 phần cùng ngày là 2.000.000 đồng (01 lần x 02 phần); Dây hụi mở ngày 30/6/2015 DL có 26 phần là 07 lần bằng 14.000.000 đồng (07 lần x 02 phần) tổng cộng bằng 17.000.000 đồng. Nguyên đơn có lời khai thừa nhận có hốt hụi và chưa đóng hụi chết đúng như bà Huỳnh Thị V trình bày và đồng ý trả số tiền này cho bà V. Theo quy định Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự là tình tiết bên bà V không phải chứng minh và phù hợp với Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà phản tố của bà Huỳnh Thị V, ghi nhận sự tự nguyện của bà K trả cho bà V số tiền hụi chết còn nợ 17.000.000 đồng.

[5] Lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Thị V yêu cầu chấp nhận cho bà Huỳnh Thị V trả số tiền 5.000.000 đồng là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, đối với yêu cầu phản tố 17.000.000 đồng là có cở sở nên chấp nhận, về án phí cho bà V được miễn toàn bộ.

[6] *Về đề nghị của Kiểm sát viên:* Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà hôm nay về việc giải quyết vụ án là có căn cứ để chấp nhận.

[7] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận và bị đơn chịu án phí sơ thẩm tương ứng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Tuy nhiên bị đơn có đơn yêu cầu miễn án phí dân sự sơ thẩm vì bà V có thân nhân là Liệt sĩ (Cha ruột) nên theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà V được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 42, 91, 92; Điều 147, 229, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 15, 17, 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ, về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị V có nghĩa vụ hoàn trả tiền hụi còn nợ bằng 17.000.000 đồng;

Buộc bà Huỳnh Thị V có nghĩa vụ trả cho Lê Thị K số tiền hụi chưa giao còn nợ tổng cộng bằng 17.000.000 đồng *(Trong dây hụi 1.000.000 đồng, ngày 20/01/2015 ÂL, gồm có 24 phần và 01 dây cùng ngày có 25 phần; dây hụi mở ngày 30/6/2015 DL, hụi 1.000.000 đồng gồm có 26 phần. 03 dây hụi bà K đều tham gia 02 phần)*. Bà Lê Thị K không yêu cầu tính lãi.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị V yêu cầu bà Lê Thị K có nghĩa vụ hoàn trả 17.000.000 đồng tiền hụi chết. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị K có nghĩa vụ hoàn trả cho Huỳnh Thị V số tiền hụi chết mà bà V đã choàng thay bằng 17.000.000 đồng (*Dây hụi mở ngày 20/01/2015 ÂL, loại hụi 1.000.000 đồng, 24 phần là 1.000.000 đồng; Dây có 25 phần cùng ngày là 2.000.000 đồng (01 lần x 02 phần); Dây hụi mở ngày 30/6/2015 DL, 26 phần là 07 lần bằng 14.000.000 đồng (07 lần x 02 phần))*. Bà Huỳnh Thị V không yêu cầu tính lãi.

Bù trừ nghĩa vụ qua lại giữa yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K và yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị V thì bà Lê Thị K, bà Huỳnh Thị V không ai có nghĩa vụ thanh toán thêm cho nhau khoản tiền nào.

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bà Lê Thị K phải chịu 850.000 đồng án phí sơ thẩm *(Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận)* nhưng được trừ vào các số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị K đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008465; số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008467; số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008464; số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008466; số tiền 329.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008469; số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008468 cùng ngày 28/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Hoàn trả cho bà Lê Thị K số tiền chênh lệch bằng 979.000 đồng.

Buộc bà Huỳnh Thị V phải chịu 850.000 đồng án phí sơ thẩm *(Đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận)* nhưng bà Huỳnh Thị V có đơn xin miễn nộp tiền án phí và được Ủy ban nhân dân xã nơi cứ trú xác nhận vì có thân nhân là Liệt sĩ (Cha ruột) nên bà Huỳnh Thị V được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh